

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2022
V/v Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tiềm.
2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1991. *(có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực K, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hiếu N**, sinh năm 1988. *(có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực K, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:***

Năm 2008, chị và anh Nguyễn Hiếu N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ

chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị và anh N sống chung với gia đình bên chồng. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm. Chị và anh N cố gắng hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau để nuôi con nhưng mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Chị đã dọn ra ngoài ở riêng và ly thân với anh N từ năm 2019 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng M (nữ, sinh ngày 03/01/2009). Chị đồng ý để anh N được nuôi dưỡng cháu M đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại Bản tự khai ngày 30/5/2022, bị đơn anh Nguyễn Hiếu N trình bày:***

Anh và chị Lê Thị Kim T xây dựng hôn nhân vào năm 2008. Cuộc hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh và chị T chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường hay cãi nhau, anh cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên chị T đã nộp đơn khởi kiện. Nay anh đồng ý với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng M (nữ, sinh ngày 03/01/2009). Anh đồng ý với thỏa thuận của chị T về việc anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu M đến trưởng thành, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Hiếu N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị T nộp đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật được xác định là “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim T và bị đơn anh Nguyễn Hiếu N đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N đều thừa nhận sau một thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tác hợp, anh chị đã tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Cả chị T và anh N đều thừa nhận, mâu thuẫn chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường hay cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Điều này cho thấy tình cảm giữa chị T và anh N đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, nay chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh N, anh N đồng ý. Do chị T và anh N không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N.

[4] Về con chung: Chị T và anh N cùng xác định, trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng M (nữ, sinh ngày 03/01/2009). Chị T và anh N thống nhất thỏa thuận, giao cháu M cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Cháu M có nguyện vọng được sống chung với anh N. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị T được quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 166; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Hiếu N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng M (nữ, sinh ngày 03/01/2009) cho anh Nguyễn Hiếu N nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị Lê Thị Kim T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Hiếu N cùng xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003354 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí (công nhận chị T đã nộp án phí xong).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế